

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 17 - 6 - 2025

V/v tranh chấp khác về
hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Ông Đặng Minh Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thuý An, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2025/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp khác về hôn nhân và gia đình.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 21/2025/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hồ Văn D, sinh năm 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã P1, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Nguyễn Bé T, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã P1, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Quách Trọng P, Luật sư của Chi nhánh Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hồ Vũ D, sinh năm 2003; Địa chỉ: Ấp P, xã P1, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Bé T, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 5 năm 2024 và lời khai nguyên đơn ông Hồ Văn D trình bày:

Ông và bà Nguyễn Bé T đã ly hôn vào năm 2022, khi ly hôn về nợ chung, tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, ngày 06/10/2022 bà T khởi kiện ông yêu cầu chia tài sản chung tại TAND huyện C, tỉnh Cà Mau, do bản thân ông không am hiểu pháp luật và điều kiện kinh tế gia đình gặp khó khăn nên trong quá trình giải quyết vụ án chia tài sản chung với bà T ông đã không kịp thời đóng tạm ứng án phí để yêu cầu chia tài sản chung. Vì vậy, Tòa án đã yêu cầu ông khởi kiện thành vụ kiện khác. Nay ông khởi kiện bà T để yêu cầu chia phần nợ chung của vợ chồng trong thời gian sống chung như sau:

Trong thời gian sống chung có tham gia chơi hụi của ông Ngô Văn Hãn (Quang Hãn) còn nợ số tiền hụi chết chưa đóng là 27.000.000 đồng; nợ tiền hụi chết của ông Nguyễn Văn Đông là 65.000.000 đồng; nợ hụi chết của chị Nguyễn Thị Ánh X là 45.000.000 đồng; mượn chị Nguyễn Thị Chuyên là 05 chỉ vàng 24k; mượn tiền chị Trần Thị Yến là 28.000.000 đồng và cổ đất là 04 cây vàng 24k (40 chỉ vàng 24k); Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C số tiền là 195.000.000 đồng.

Tiền cổ đất cho con trai Hồ Vũ D là 440.000.000 đồng. Ngày 29/5/2024, ông và anh Duy đã thanh toán xong khoản nợ này, ông không yêu cầu bà T chia đôi trả lại cho ông số nợ 440.000.000 đồng. Ông xin rút lại yêu cầu đối với việc yêu cầu của bà T chia đôi số tiền nợ là 440.000.000 đồng mà ông đã trả cho anh Duy.

Tổng số nợ chung của ông và bà T là 392.000.000 đồng và 45 chỉ vàng 24k. Ông đã trả hết cho các chủ nợ nên nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Bé T phải chia đôi phần nợ trên với ông và trả lại cho ông phần nợ mà ông đã trả thay cho bà T trong thời gian bà T bỏ đi là 191.000.000 đồng và 22,5 chỉ vàng 24k.

Bị đơn bà Nguyễn Bé T trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 04 tháng 6 năm 2024 và tại phiên tòa

Việc ông D khởi kiện bà là không đúng. Đối với chung hụi của ông Nguyễn Văn Đông thì khi bà bỏ đi là còn một chung sống 5.000.000 đồng và một chung hụi chết là 5.000.000 đồng, đóng 3 hay 4 lần thì bà hốt. Hai chung hụi trên bà vào cùng một dây, chung hụi sống thì ông D hốt khi nào bà không biết. Nay đối trừ lại tiền hụi sống thì bà không còn nợ ông Đông, nên không đồng ý chia đôi số nợ trên

với ông D.

Đối với số nợ của bà Nguyễn Thị Chuyên: Có nợ 05 chỉ vàng 24k thì ông D sang đất cho ông Phan Văn Beo và đã trả rồi cho bà Chuyên nên không còn nợ nên bà không đồng ý chia đôi trả lại cho ông D số tiền nợ này.

Đối với nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C khi bà bỏ đi thì chỉ nợ số tiền khoản 120.000.000 đồng, chưa trả. Ông D có đất cho ông Giám để lấy tiền trả cho Ngân hàng. Số tiền nợ Ngân hàng đã trả xong từ nguồn tiền của vợ chồng nên bà không đồng ý chia đôi trả lại cho ông D số tiền nợ này.

Đối với số tiền hụi của ông Ngô Văn Hãn (Quang Hãn): Bà và ông D có tham gia chơi hụi của ông Hãn nhưng không nhớ là 1.000.000 đồng hay 2.000.000 đồng trên tháng. Bà và ông D đã hốt chung hụi này, khi bà bỏ đi thì chung hụi này còn khoảng 4 đến 5 lần nữa mãng, khi ông D sang nhượng 05 công đất cho ông Beo thì đã trả cho ông Hãn, hiện tại ông Hãn không yêu cầu gì đối với số nợ này nên bà không đồng ý chia đôi số nợ này với ông D.

Đối với số nợ của của bà Nguyễn Thị Ánh Xuân: Bà và ông D chơi hụi của bà Xuân, hụi 2.000.000 đồng/tháng, bà và ông D đã hốt hụi và khi bà bỏ đi thì chung hụi này đã mãng, bà và ông D không còn nợ bà Xuân nên nay bà không đồng ý chia đôi số nợ này với ông D.

Đối với số nợ của bà Trần Thị Yến: Bà và ông D có nợ bà Yến nhưng số tiền, vàng không phải như ông D trình bày, khi bà bỏ đi thì chỉ có nợ bà Yến số tiền vài triệu đồng, số tiền này đã trả xong cho bà Yến nên bà không đồng ý chia đôi số nợ trên với ông D.

Đối với số tiền nợ anh Hồ Vũ D: Ngày 29/5/2024, ông D đã trả xong cho anh Duy, ông D rút yêu cầu chia đôi số tiền nợ này thì bà đồng ý, bà không có ý kiến gì.

Nay ông D yêu cầu chia đôi số nợ chung là 392.000.000 đồng và 45 chỉ vàng 24k, buộc bà trả cho ông D số tiền là 191.000.000 đồng và 22,5 chỉ vàng 24k thì bà không đồng ý. Bà xác định tất cả các khoản nợ đã trả xong cho các chủ nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hồ Vũ D trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án: Ngày 29 tháng 5 năm 2024 dương lịch thì ông Hồ Văn D có trả cho anh số tiền là 440.000.000 đồng, anh đã nhận đủ số tiền này nên không còn liên quan trong vụ án, cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 21/2025/HNGĐ - ST ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn Dỗi với bà Nguyễn Bé T.

Buộc bà Nguyễn Bé T trả cho ông Hồ Văn Dỗi tiền là 158.493.515 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn năm trăm mười lăm đồng) và 02 (Hai) cây vàng 24k (20 chỉ vàng 24k).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn Dỗi với bà Nguyễn Bé T về chia đôi số tiền nợ hụi là 45.000.000 đồng mà ông Hồ Văn Dộn đã trả cho bà Nguyễn Thị Ánh X và tiền cổ đất là 440.000.000 đồng mà ông Hồ Văn Dộn đã trả cho anh Hồ Vũ D.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19/02/2025, Bà Nguyễn Bé T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn D.

Tại phiên tòa: Bà Nguyễn Bé T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phần tranh luận:

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:* Đối với các khoản nợ hụi của ông Đông và ông Hấn, nợ vàng của bà Chuyền mà ông D đặt ra thì các bên đều thừa nhận tiền hốt hụi để chi xài trong gia đình, mua con giống cải tạo ruộng tôm, các khoản nợ trên đã thanh toán xong trước khi ông Tám bà Dộn ly hôn. Đối với nợ Ngân hàng, bà T đã ly thân sống cùng các con vào năm 2016, trước đây Ngân hàng trả lời việc vay tiền chỉ do ông D thực hiện, như vậy thời điểm ông D vay Ngân hàng không nhằm mục đích sử dụng chung trong gia đình. Đối với nợ vay và tiền cổ đất của bà Yến thì bà T hoàn toàn không biết. Do đó, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Bà Nguyễn Bé T trình bày:* Bà thống nhất với quan điểm và trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

- *Ông Hồ Văn D trình bày:* Ông không đồng ý kháng cáo của bà T, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung: Đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của

bà Nguyễn Bé T, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Hồ Văn D khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Bé T chia đôi các khoản nợ của ông bà trong thời kì hôn nhân. Bà Nguyễn Bé T không đồng ý. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Văn D buộc bà Nguyễn Bé T chia đôi số nợ chung là 316.987.030 đồng và 40 chỉ vàng 24k nên bà Nguyễn Bé T kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của Nguyễn Bé T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Bà Bé Tám không thừa nhận các khoản nợ chung với ông D, bà T cho rằng đã thanh toán xong trước khi ông bà ly hôn. Xét thấy, bà T và ông D chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2002, nhưng không có đăng ký kết hôn. Tại Bản án Hôn nhân và gia đình số 156/2022/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước tuyên bố không công nhận ông Dọn và bà Tám là vợ chồng. Ông D xác định trước khi ly hôn ông đã thanh toán toàn bộ số nợ cho các chủ nợ nên yêu cầu bà T chia đôi các khoản nợ với ông.

[2.2] Xét thấy, khi bà T yêu cầu chia tài sản chung đối với ông D nhưng chưa xem xét đến các khoản nợ chung của ông bà. Do đó, việc ông D khởi kiện yêu cầu chia nợ chung trong thời gian ông bà sống chung là phù hợp. Đối với các khoản nợ ông D yêu cầu, tại phiên tòa phúc thẩm thấy rằng:

Đối với nợ hụi của ông Ngô Văn Hãn, ông D thừa nhận ông và bà T tham gia 2 chung, loại hụi bao nhiêu thì ông không nhớ, khi bà T hốt 1 chung và chi xài trong gia đình, đến khi bà T đi thì hụi đã đóng hơn một nửa và còn 01 chung hụi sống do ông D hốt. Như vậy, khi bà T đi khỏi nhà thì dây hụi đã đóng hơn một nửa, còn lại 01 chung sống nên khi ông D hốt, tự chi xài không chia cho bà T nên ông D phải có nghĩa vụ đóng lại cho chủ hụi, việc ông D còn nợ lại tiền hụi của ông Hãn 27.000.000 đồng là trách nhiệm của ông D, ông D yêu cầu bà T chia khoản nợ trên là không phù hợp.

Đối với chung hụi mùa loại hụi 5.000.000 đồng, một năm khai 3 lần, có tổng là 12 chung. ông D xác định có tham gia 2 chung. Đã hốt 01 chung vào ngày 20/7/2014, thời điểm hốt còn sống 09 lần. Như vậy khi bà T đi khỏi nhà vào tháng 9/2015 thì hụi còn lại là 06 chung hụi sống. Như vậy ông D và bà T đã đóng được một nửa của dây hụi, còn lại một chung hụi sống của ông bà nên khi ông D hốt hụi ông D phải có trách nhiệm đóng lại hụi chết cho chủ hụi, không buộc bà T cùng có trách nhiệm là phù hợp.

Đối với nợ vàng của bà Nguyễn Thị Chuyền, bà T xác định có hời nợ dùm người anh nhưng do anh không trả nên bà và ông D đã trả được 05 chỉ vàng, còn lại 05 chỉ vàng chưa trả là phù hợp với biên bản làm việc ngày 13/11/2024, bà

Chuyển xác định còn nợ 05 chỉ vàng và đã quy ra tiền cho ông D trả 20.000.000 đồng, còn nợ lại 7.000.000 đồng nên việc ông D đã trả xong và yêu cầu bà T trả lại một nửa đối với số tiền 20.000.000 đồng là có lợi cho bà T, án sơ thẩm chấp nhận là phù hợp.

Đối với khoản nợ Ngân hàng, ông Dọn có cung cấp chứng từ giao dịch ngày 03/4/2017 giữa ông với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Cái Nước thể hiện ông trả thế chấp cho Ngân hàng số tiền là 198.987.030 đồng là chưa phù hợp. Vì theo ông D xác định bà T đi khỏi nhà vào tháng 9 năm 2015 nên trách nhiệm nợ của bà T cũng chỉ xác định từ thời điểm bà T ra khỏi nhà là năm 2015. Tại phiên toà phúc thẩm, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện C, tỉnh Cà Mau có Công văn số 162/CV-NHNo-CN ngày 16/6/2025 xác định lại khoản nợ của ông D đến ngày 04/12/2014 là 133.000.000 đồng và lãi đến 25/11/2015 là 13.149.599 đồng nên bà T phải có trách nhiệm liên đới cùng với ông D thanh toán khoản nợ cho ngân hàng, hiện ông D đã thanh toán xong nên buộc bà T có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông D là phù hợp.

Đối với số vàng cố đất và tiền vay của bà Trần Thị Yến, xét thấy: Tại biên bản làm việc ngày 05/6/2025, bà Yến xác định số tiền vay là 28.000.000 đồng, vàng cố đất trả vào tháng 3 năm 2018. Đối với ông D trình bày tại “Đơn xin xác nhận” ngày 03/6/2025 thể hiện ông vay của bà Yến 27.000.000 đồng và cố đất cho bà Yến, chuộc lại đất vào năm 2017. Như vậy, lời khai của bà Yến và ông D về các khoản nợ này không phù hợp với nhau. Ông D cũng không trình bày được khoản tiền trên sử dụng vào việc gì, khoản tiền vay và cố đất hiện cũng không còn biên nhận hay các giấy tờ có liên quan. Xét thấy việc ông D trình bày nợ vay, nợ tiền cố đất của bà Yến nhưng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh, bà T không thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận khoản nợ của bà Yến theo yêu cầu của ông D.

[2.3] Do tại phiên toà phúc thẩm ông D trình bày khác về các khoản nợ hụi, lời trình bày của ông D tại phiên toà phúc thẩm phù hợp với lời trình bày của bà T nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông D xác định bà T không còn ở chung nhà với ông D từ tháng 9/2015 nên xác nhận khoản nợ của Ngân hàng phù hợp với thời gian bà T không còn ở chung nhà với ông D, do đó, sửa án sơ thẩm điều chỉnh lại khoản nợ chung của ông D bà T như nhận định trên.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Tám phải chịu trên số tiền án phí đối với yêu cầu của ông Dọn được chấp nhận với số tiền án phí 4.079.000 đồng.

Ông Dọn phải chịu án phí sơ thẩm 300.000 đồng. Ông Dọn đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 6.575.000 đồng (Sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

theo biên lai số 0013194 ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, được chuyển thu đổi trừ, số tiền còn thừa ông D được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà T không phải chịu, đã nộp tạm ứng được nhận lại theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Bé T.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2025/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn D đối với bà Nguyễn Bé T.

Buộc bà Nguyễn Bé T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hồ Văn D số tiền là 81.575.000 đồng (Tám mươi một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Văn D về việc yêu cầu bà Nguyễn Bé T thanh toán số tiền 76.919.000 đồng và 20 chỉ vàng 24k.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn D đối với bà Nguyễn Bé T về chia đôi số tiền nợ hụi là 45.000.000 đồng mà ông Hồ Văn D đã trả cho bà Nguyễn Thị Ánh X và tiền cổ đất là 440.000.000 đồng mà ông Hồ Văn D đã trả cho anh Hồ Vũ D.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hồ Văn D phải chịu 300.000 đồng. Ông Hồ Văn D đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 6.575.000 đồng (Sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn

đồng) theo biên lai số 0013194 ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C chuyển thu đối trừ, số tiền còn thừa ông D được nhận lại.

Buộc bà Nguyễn Bé T phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch số tiền 4.079.000 đồng (chưa nộp).

3.2. *Án phí dân sự phúc thẩm:* Bà Nguyễn Bé T không phải chịu, ngày 20/02/2025, bà T có nộp tạm ứng 300.000 đồng (lai thu số 0019211) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 4 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Cẩm Đào

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Trung

Hoàng Thị Hải Hà

Đinh Cẩm Đào